

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: **20/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/9/2018

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, cấp dưỡng và tài sản chung”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH S, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Quang Toại.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Bùi Thị Ngọc Thanh;

2. Ông Nguyễn Thanh Thương.

- ***Th ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Tương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Thanh Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày **25** tháng **9** năm **2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **227/2018/TLST-HNGĐ** ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **55/2018/QĐST-HNGĐ**, ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: **Chị Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1978;**

Nơi cư trú: Xóm HP, thôn AC, xã BH, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ **Bị đơn**: **Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1974;**

Nơi cư trú: Xóm HP, thôn AC, xã BH, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L và anh S đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31/7 /2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Huỳnh Thị Mỹ L trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã BH vào ngày 08/10/1996.

Vợ chồng sống chung từ năm 1997 đến năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S thiếu hiểu biết, chị đi mua bán mà anh S nghi ngờ chị đi quan hệ bất chính bên ngoài. Chị nhiều lần giải thích nhưng anh S không hiểu nên vợ chồng cãi vã, xô xát với nhau, nhất là vào ngày 10/5/2018 anh S cùng hai đứa con lớn là K và G cùng đánh chị bị bầm tím mặt, cơ thể, xé quần áo; bà con hàng xóm phải đến can thiệp để giải vây cho chị. Vì vậy, chị chở con gái út đi thuê nhà trọ để ở thì vào ngày 28/6/2018 anh S tìm thấy chị và buộc mẹ con chị phải quay về nhà, vừa về đến nhà thì anh S cùng con trai lớn đẩy chị xuống đất trói chị lại rồi hành hung, đánh đập chị dã man, nhờ hàng xóm đến can ngăn nên chị mới được giải thoát nhưng vẫn bị chấn thương rất nặng. Sau đó, anh S dành lấy cháu Th và chị về ở với cha, mẹ ruột, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018.

Tại phiên tòa, chị L trình bày bổ sung mâu thuẫn như sau: Trong thời gian vợ chồng chung sống vì bị anh S đánh đập nên chị bỏ nhà đi 02 lần: Năm 2016, anh S nghi ngờ chị ngoại tình, đuổi chị ra khỏi nhà nên chị ra ngoài thuê nhà ở, vì anh S dọa bán nhà cửa, bỏ con đi Miền Nam nên chị quay về; năm 2017, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; năm 2018, chị tiếp tục bỏ nhà đi vì anh S đánh và đập điện thoại không cho dùng, chị có báo Xóm trưởng đến can thiệp nhưng khi đến thì anh S chửi bới không cho giải quyết và cho rằng anh là chồng nên có quyền đánh chết chị cũng được; có lần do bức xúc chuyện anh S buộc chị phải trả lại sổ vàng tài sản chung của vợ chồng cho anh, chị không đưa thì anh đòi đánh nên chị em ruột của chị phải cho mượn vàng đưa cho anh S để giải thoát cho chị; có lần chị đã mua thuốc cỏ dự định uống thuốc tự tử nhưng gia đình động viên, khuyên ngăn nên bỏ ý định.

Nay chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của chị. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung gồm: Huỳnh Văn K, sinh ngày 02/12/1998; Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 29/02/2000; Huỳnh Văn H, sinh ngày 07/11/2004 và Huỳnh Anh Th, sinh ngày 11/5/2016. Theo đơn khởi kiện, chị L yêu cầu được nuôi hai con chung là Huỳnh Văn H và Huỳnh Anh Th. Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện về phân giao nuôi con như sau: Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th và giao cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và giữ nguyên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ anh, chị.

Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Mỹ L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phân giao nuôi con như trên, không sửa đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện nào.

Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến đề nghị, lập luận của bị đơn anh Huỳnh Văn S tại Biên bản lấy lời khai ghi ngày 06/8/2018 và biên bản hòa giải các ngày 13/8/2018, ngày 22/8/2018 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn S công nhận việc tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và kết hôn như chị L trình bày trên là đúng. Vợ chồng sống chung với nhau từ năm 1997 đến tháng 6/2018 không còn sống chung với nhau. Quan hệ vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân là do chị L ngoại tình với một người đàn ông khác ở xã Bình Châu. Anh nhiều lần tha thứ và khuyên chị L về sống chung để cùng nuôi dạy con cái ăn học. Việc chị L ngoại tình nhiều người cùng xóm và hai bên gia đình đều biết nhưng anh chỉ nghe nói, chưa bắt được. Vì chị L nhiều lần bỏ nhà ra đi nên anh dẫn về và có đánh chị L mấy bạt tai nhưng không để lại Thông tích gì. Anh S thừa nhận có đánh chị L 02 lần, con chung không có đánh chị L. Anh không có lỗi trong việc dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Chị L rằng chị đi buôn bán nên anh nghi ngờ ngoại tình là không đúng, vì chị L ở nhà nội trợ không buôn bán gì, thỉnh thoảng anh đi biển về thì chị đi bán cá. Nay chị L yêu cầu ly hôn nhưng nguyện vọng của anh muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung như chị L trình bày trên là đúng. Hiện nay, cháu K và cháu G đã thành niên, cháu H và Th đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu Th. Anh S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý giao cháu Th cho chị L nuôi dưỡng vì chị L không quan tâm, chăm sóc được con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung như nhà đất, lưới chà đánh bắt cá nhưng anh và chị L tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ anh, chị.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Mỹ L.

Về con chung: Khi ly hôn, cháu Huỳnh Anh Th chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đúng quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Mặt khác, anh S thường

xuyên đi đánh bắt cá nhiều ngày không có ở nhà nên điều kiện nuôi con là không đảm bảo nuôi cháu Th, khi cháu còn nhỏ. Đề nghị giao cháu Huỳnh Văn H cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H là phù hợp với nguyện vọng của cháu và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, vì cháu H đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với anh S khi vợ chồng ly hôn.

Chị L và anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S tự thỏa thuận chưa yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Chị Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản Hi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, tranh luận của các bên đương sự, lời khai của những người làm chứng là: mẹ ruột của chị L, những người hàng xóm, ý kiến của UBND xã BH cho biết về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị L và anh S thì đã đủ căn cứ xác định, trước năm 2016 quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị L và anh S chưa có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nhưng từ năm 2016 đến nay vợ chồng anh, chị liên tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh S cho rằng chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Vì không thể sống chung với anh S nên chị L nhiều lần bỏ đi nơi khác làm ăn, sinh sống; có lần anh S dẫn chị L về nhà và có hành vi bạo lực gia đình như trói vào gốc cây, đánh đập; vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị kéo dài nhiều năm không khắc phục được và mâu thuẫn ngày càng lâm vào trầm trọng hơn. Hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 6/2018 đến nay, chị L đã bỏ nhà đi làm ăn riêng và vợ chồng không còn sống chung. Chị L và anh S thiếu sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, anh S không tôn trọng danh dự, uy tín của chị L và có hành vi đánh đập, nghi ngờ sự chung thủy của chị L. Vợ chồng chị L và anh S đã không thực hiện đúng quy

định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình như: Không tôn trọng danh dự, uy tín cho nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, chia sẻ với nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị L nhiều lần bỏ nhà ra đi không sống chung với anh S. Qua các phiên hòa giải, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh S vì lo sợ khi sống chung sẽ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe do hành vi bạo lực trong gia đình thường xuyên xảy ra. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, tình trạng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục sống chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh S.

[2.2] *Về con chung và nuôi con sau khi ly hôn*: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S đều công nhận, vợ chồng có 04 con chung gồm: Huỳnh Văn K, sinh ngày 02/12/1998; Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 29/02/2000; Huỳnh Văn H, sinh ngày 07/11/2004 và Huỳnh Anh Th, sinh ngày 11/5/2016; trong đó; cháu K và G đã thành niên, còn cháu H và Th chưa thành niên và đang ở với anh S. Xét thấy, cháu Huỳnh Anh Th đến nay 28 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì: “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ như nhau về trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị L có đủ sức khỏe, điều kiện để lao động nuôi sống bản thân và đảm bảo việc nuôi dạy con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu Th cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn. Cháu Th đang ở với anh S nên anh phải có nghĩa vụ giao lại cháu Th cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đối với cháu H, qua thu thập lời khai của cháu thì cháu có nguyện vọng được ở với anh S, nếu cha, mẹ ly hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì: “con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con” nên cần giao cháu H cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với yêu cầu của anh S và nguyện vọng của cháu H.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] *Về nợ chung*: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S đều cho rằng; anh, chị không có nợ ai và không có ai nợ anh, chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng chị được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng.

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*: Về đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn, về giao nuôi con chung chưa thành niên và nghĩa vụ chịu án phí là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ L được ly hôn với anh Huỳnh Văn S.

2.2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S đều công nhận, vợ chồng có 04 con chung gồm: Huỳnh Văn K, sinh ngày 02/12/1998; Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 29/02/2000; Huỳnh Văn H, sinh ngày 07/11/2004 và Huỳnh Anh Th, sinh ngày 11/5/2016. Cháu K và G đã thành niên; cháu H và cháu Th chưa thành niên và đang ở với anh S.

2.2.1. Về giao nuôi con chung:

a) Giao cho chị Huỳnh Thị Mỹ L được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Anh Th, sinh ngày 11/5/2016.

Sau khi ly hôn, anh Huỳnh Văn S có nghĩa vụ giao lại cháu Huỳnh Anh Th cho chị Huỳnh Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

b) Giao cho anh Huỳnh Văn S được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Văn H, sinh ngày 07/11/2004.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S đều cho rằng; anh, chị không có nợ ai và không có ai nợ anh, chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng chị được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002418 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.6. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Văn S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2018).

2.7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã BH, huyện Bình Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Toại

